

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/DS-PT
Ngày 06 - 11 - 2018
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp nợ hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1962. Trú tại: ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Chị Liêu Hồng G, sinh năm 1972 (có mặt)
2. Anh Hà Văn M, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Các bị đơn chị Liêu Hồng G, anh Hà Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại lời khai và phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T trình bày: Trước đây bà là hui viên có tham gia các dây hui do chị Liêu Hồng G làm chủ hui, các dây hui cụ thể như sau:

- Ngày 30/12/2015 (âm lịch) loại hui 5.000.000 đồng, có tất cả 26 chung, bà có tham gia 01 chung, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 30 hàng

tháng, đóng được 12 lần với số tiền bao nhiêu bà không nhớ, nhưng tính theo hụi chết khi hốt thì bà sẽ nhận được số tiền là 60.000.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 20/02/2015 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, có tất cả 26 chung, bà có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, đóng được 22 lần với số tiền bao nhiêu bà không nhớ, nhưng tính theo hụi chết khi hốt thì bà sẽ nhận được số tiền 110.000.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 15/8/2016 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, có tất cả 23 chung, bà có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, đóng được 04 lần với số tiền bao nhiêu bà không nhớ, nhưng tính theo hụi chết khi hốt thì bà sẽ nhận được số tiền 20.000.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 09/3/2016 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, bà có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 09 hàng tháng, đóng được 10 lần với số tiền bao nhiêu bà không nhớ, nhưng tính theo hụi chết khi hốt thì bà sẽ nhận được số tiền 50.000.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

Tổng cộng bà đã đóng 04 dây hụi này cho chị G với số tiền là 240.000.000 đồng, sau đó chị G có trả cho bà được số tiền 29.000.000 đồng, hiện chị G còn nợ lại bà số tiền 211.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị G và anh M cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 211.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Liêu Hồng G trình bày tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Giữa chị và bà Nguyễn Cẩm T có tham gia giao dịch hụi với nhau, chị là chủ hụi, còn bà T là hụi viên. Bà T tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- Ngày 30/12/2015 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, bà T có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, đóng được 12 lần với số tiền vốn là 34.700.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 20/02/2015 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, bà T có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, đóng được 22 lần với số tiền vốn là 70.020.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 15/8/2016 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, bà T có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, đóng được 04 lần với số tiền vốn là 13.800.000 đồng; dây hụi này bề hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

- Ngày 09/3/2016 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, bà T có tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 09 hàng tháng, đóng được 10 lần

với số tiền vốn là 32.120.000 đồng; đây hội này bể hội vào ngày 16/12/2016 âm lịch.

Tổng cộng chị còn nợ lại bà T số tiền hội vốn là 150.640.000 đồng, sau đó chị đã trả được cho bà T số tiền 29.000.000 đồng, nên chị còn nợ bà T số tiền 121.640.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chị và chồng chị là anh Hà Văn M phải trả số tiền hội là 211.000.000 đồng, chị không có khả năng trả cho bà T được do hiện chị còn nợ nhiều người khác, hoàn cảnh kinh tế của gia đình chị hiện cũng gặp khó khăn, bản thân chị phải đi làm thuê để kiếm tiền trả cho các chị em, chị xin được trả cho bà T số tiền hội vốn là 121.640.000 đồng.

Bị đơn anh Hà Văn M trình bày: Việc giao dịch hội giữa vợ anh là chị Liêu Hồng G với bà Nguyễn Cẩm T như thế nào anh không biết rõ, anh không đồng ý cùng với chị G trả nợ cho bà T.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T đối với chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M về tranh chấp nợ hội.

Buộc chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Cẩm T số tiền hội còn thiếu là 187.047.500 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T đối với chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M về việc đòi số tiền hội là 23.952.500 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M phải nộp số tiền 9.352.300 đồng.

Buộc bà Nguyễn Cẩm T phải chịu số tiền án phí có giá ngạch là 1.197.600 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.572.000 đồng theo Biên lai thu số 0011054 ngày 02/4/2018 được đối trừ. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 4.374.400 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2018, bị đơn chị Liêu Hồng G kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Dây hụi ngày 20/02/2015 âm lịch bị bề nên chị chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền hụi vốn 70.020.000 đồng cộng với số tiền lãi của số tiền này từ ngày bị bề hụi cho đến nay.

Ngày 04/9/2018, bị đơn anh Hà Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết bao gồm: Việc đứng ra làm chủ hụi là tự ý của chị G, không có liên quan gì đến anh, anh tham gia tổ chức, không trực tiếp khai hụi, gom hụi. Tòa án sơ thẩm buộc anh cùng có nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà T là không khách quan, anh không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do tại phiên tòa sơ thẩm, chị G tự nguyện trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng đối với dây hụi ngày 20/02/2015 âm lịch và được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị G về việc điều chỉnh lại số tiền hụi đối với dây hụi ngày 20/02/2015 âm lịch phải trả cho bà T. Đối với kháng cáo của anh M, do đây là nợ chung của vợ chồng anh M và chị G, không có căn cứ chứng minh số tiền nợ hụi là nợ riêng của chị G nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh M. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị G, không chấp nhận kháng cáo của anh M và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T và bị đơn chị Liêu Hồng G cùng thống nhất trình bày về giao dịch hụi giữa các bên là bà T có tham gia 04 dây hụi do chị G làm chủ hụi, cụ thể: Dây hụi ngày 30/12/2015 (âm lịch), dây hụi ngày 20/02/2015 (âm lịch), dây hụi ngày 15/8/2016 (âm lịch) và dây hụi ngày 09/3/2016 (âm lịch); tất cả các dây hụi này là loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với 03 dây hụi: Dây hụi ngày 30/12/2015 (âm lịch), dây hụi ngày 15/8/2016 (âm lịch) và dây hụi ngày 09/3/2016 (âm lịch) các đương sự không

kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét kháng cáo của chị Liêu Hồng G đối với dây hui ngày 20/02/2015 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, dây hui có tất cả 25 chung bà T tham gia 01 chung, đóng được 22 lần thì bể, dây hui còn ba lần khai nữa mới mãn hui. Số tiền vốn bà T đóng cho chị ở dây hui này là 70.020.000 đồng. Do hui bể nên chị đồng ý trả lại số tiền hui vốn là 70.020.000 đồng cộng với lãi của số tiền vốn này từ ngày bể hui cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Tại Đơn khởi kiện bà Nguyễn Cẩm T xác định ngày 16/12/2016 bà hay tin vợ chồng chị G bể hui, tại Biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bà T xác định dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch không bể hui, 03 dây hui còn lại bể hui ngày 16/12/2016. Lời khai của bà T không thống nhất nhau, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh dây hui ngày 20/02/2015 đã mãn hui và dây hui này mở ngày 20/02/2015 bà T xác định có 26 chung nhưng bà T xác định đóng được 22 lần hui với số tiền bao nhiêu bà không nhớ, chị G xác định có 25 chung. Xét thấy, tính từ ngày 20/02/2015 âm lịch đến ngày 16/12/2016 âm lịch dây hui này khai được 22 lần là phù hợp với lời trình bày của bà T và chị G, nên có căn cứ xác định dây hui này đã bể vào ngày 16/12/2016 và bà T đã đóng được cho chị G 22 lần hui.

[6] Tại Biên bản lấy lời khai của chị Liêu Hồng G ngày 07/5/2018 (bút lục 32 - 33) xác định đối với dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch, bà T đóng được 22 lần với số tiền vốn là 70.020.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Liêu Hồng G đồng ý trả cho bà T số tiền vốn và lãi là 110.000.000 đồng đối với dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch (bút lục 50). Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, chị G kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền hui bà T thực đóng là 70.020.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày bể hui đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền tự định đoạt của đương sự: *“Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”*, do đó, việc chị G thay đổi ý kiến là quyền tự định đoạt của chị G khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, từ khi xét xử sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T đã đóng cho chị G bao nhiêu tiền của dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị G, điều chỉnh số tiền dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch mà chị G, anh M có trách nhiệm trả cho bà T. Cụ thể, số tiền vốn gốc thực tế bà T đã đóng là 70.020.000 đồng; số tiền lãi suất theo quy định pháp luật là $70.020.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 1,66\% = 22.084.308 \text{ đồng}$. Tổng cộng dây hui ngày 20/02/2015 âm lịch chị G, anh M phải trả cho bà T cả vốn và lãi suất là 92.104.308 đồng.

[7] Tổng cộng 04 dây hui số tiền vốn và lãi suất chị G, anh M phải trả cho bà T là 92.104.308 đồng + 106.047.500 đồng = 198.151.808 đồng. Bà T, chị G

thống nhất sau khi bề hụi chị G đã trả cho bà T số tiền 29.000.000 đồng, đối trừ số tiền đã trả, còn phải tiếp tục trả cho bà T là 169.151.808 đồng.

[8] Xét kháng cáo của anh Hà Văn M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh cùng có nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà T là không khách quan, anh không đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm anh M không thừa nhận có hiểu biết việc giao dịch hụi của chị G với bà T. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm anh M xác định anh và chị G là vợ chồng, anh biết chị G làm chủ hụi, có hưởng tiền huê hồng (lợi nhuận), anh có nhiều lần đi gom hụi dùm chị G và chị G xác định tiền huê hồng thu được từ việc làm chủ hụi được sử dụng phục vụ chung cho sinh hoạt của gia đình. Đồng thời, các khoản nợ đều hình thành trong thời gian hôn nhân giữa chị G và anh M tồn tại, nên về nguyên tắc đây là nợ chung của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc cả anh M và chị G cùng có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà T là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh M về việc không đồng ý cùng trả nợ với chị G.

[9] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn M, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Liêu Hồng G; chấp nhận một phần ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do có thay đổi số tiền anh M, chị G phải trả cho bà T nên tính lại án phí như sau:

- Chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M phải chịu án phí sơ thẩm: $169.151.808 \text{ đồng} \times 5\% = 8.457.590 \text{ đồng}$.

- Bà Nguyễn Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm: $(211.000.000 \text{ đồng} - 169.151.808 \text{ đồng}) \times 5\% = 41.848.192 \text{ đồng} \times 5\% = 2.092.409 \text{ đồng}$.

[11] Án phí phúc thẩm: Chị Liêu Hồng G không phải chịu, anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[12] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Liêu Hồng G, không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn M và sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biểu phòùng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T đối với chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M về tranh chấp nợ hui.

Buộc chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Cẩm T số tiền hui còn thiếu là 169.151.808 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T đối với chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M về việc đòi số tiền hui là 41.848.192 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Liêu Hồng G và anh Hà Văn M phải nộp số tiền 8.457.590 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng).

Buộc bà Nguyễn Cẩm T phải chịu số tiền án phí có giá ngạch là 2.092.409 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm lẻ chín đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.572.000 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0011054 ngày 02/4/2018 được đối trừ, hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 3.479.591 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm chín mươi một đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm chị Liêu Hồng G không phải chịu. Chị G đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0011400 ngày 13/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm anh Hà Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh M đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0011392 ngày 11/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Đường sự (03 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt